

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
15	Pháp luật xây dựng	Legal enviroment in Construction	LAWC315	Quản lý xây dựng	2		2							
16	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
17	Đồ họa kỹ thuật 2	Technical Graphics 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
18	Cơ học cơ sở 1	Engineering Mechanics 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3			3						
19	Sức bền vật liệu 1	Strength of Materials 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
20	Cơ học kết cấu 1	Mechanics of Engineering Structures 1	CE315	Sức bền - Kết cấu	3				3					
21	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
22	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			44									
23	Nhập môn Quản lý xây dựng	Introduction to Construction Management	ICM111	Quản lý xây dựng	2	2								
24	Kinh tế học	Basic Economics	CET111	Kinh tế	3	3								
25	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	2								
26	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3		3							
27	Khởi nghiệp	Business Startup	BAEU201	Quản trị kinh doanh	2			2						
28	Kinh tế lượng	Econometrics	ECON207	Kinh tế	2			2						
29	Quản lý dự án	Project Management	PJM322	Quản lý xây dựng	2				2					
30	Kiến trúc công trình	Engineering Architecture	ART336	Đồ họa kỹ thuật	2				2					
31	Đồ án Kiến trúc công trình	Project of Engineering Architecture	ART346	Đồ họa kỹ thuật	1				1					
32	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	Applied Informatic in Construction Management	AICON325	Quản lý xây dựng	3					3				
33	Kinh tế xây dựng 1	Construction Economics 1	CECON316	Quản lý xây dựng	2					2				
34	Đồ án Kinh tế xây dựng	Project of Construction Economics	PCECON317	Quản lý xây dựng	1					1				
35	Địa kỹ thuật	Geotechnical Engineering	CE355	Địa kỹ thuật	4					4				
36	Marketing xây dựng	Construction Marketing	MAR328	Quản lý xây dựng	2					2				
37	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3					3				
38	Kết cấu bê tông cốt thép	Reinforced Concrete Structures	CEI485	Kết cấu công trình	3						3			
39	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	Project of Reinforced Concrete Structures	CE487	Kết cấu công trình	1						1			
40	Thi công 1	Contruction Technology 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2						2			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
59	Thực tập tốt nghiệp	Internship for Graduation Thesis	IGT483	Quản lý xây dựng	8									8
60	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Thesis		Quản lý xây dựng	7									7
II.5	Kiến thức tự chọn	Selective Units			10							6	4	
61	<i>Giám sát đánh giá dự án đầu tư xây dựng</i>	<i>Monitoring and Evaluation of Construction Investment Projects</i>	<i>MECIP422</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
62	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	<i>State Management in Economy</i>	<i>SMIE412</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
63	<i>Định giá sản phẩm, dịch vụ công ích</i>	<i>Public Goods and Services Pricing</i>	<i>CPGE221</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
64	<i>Kinh tế thủy lợi</i>	<i>Water Resources Economics</i>	<i>IREC422</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
65	<i>Định giá bất động sản</i>	<i>Real Estate Pricing</i>	<i>REP417</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
66	<i>Thống kê doanh nghiệp</i>	<i>Business Statistics</i>	<i>BACU208</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
67	<i>Kinh tế máy xây dựng</i>	<i>Economics of Construction Machinery</i>	<i>CECM221</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
68	<i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	<i>Management Information Systems</i>	<i>MIS313</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
69	<i>Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng</i>	<i>Business analysis in construction enterprises</i>	<i>BACE220</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
70	<i>Phát triển kỹ năng quản trị</i>	<i>Developing Management Skills</i>	<i>DMS422</i>	<i>Phát triển kỹ năng</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I+II)			150	16	15	16	19	17	16	19	17	15